

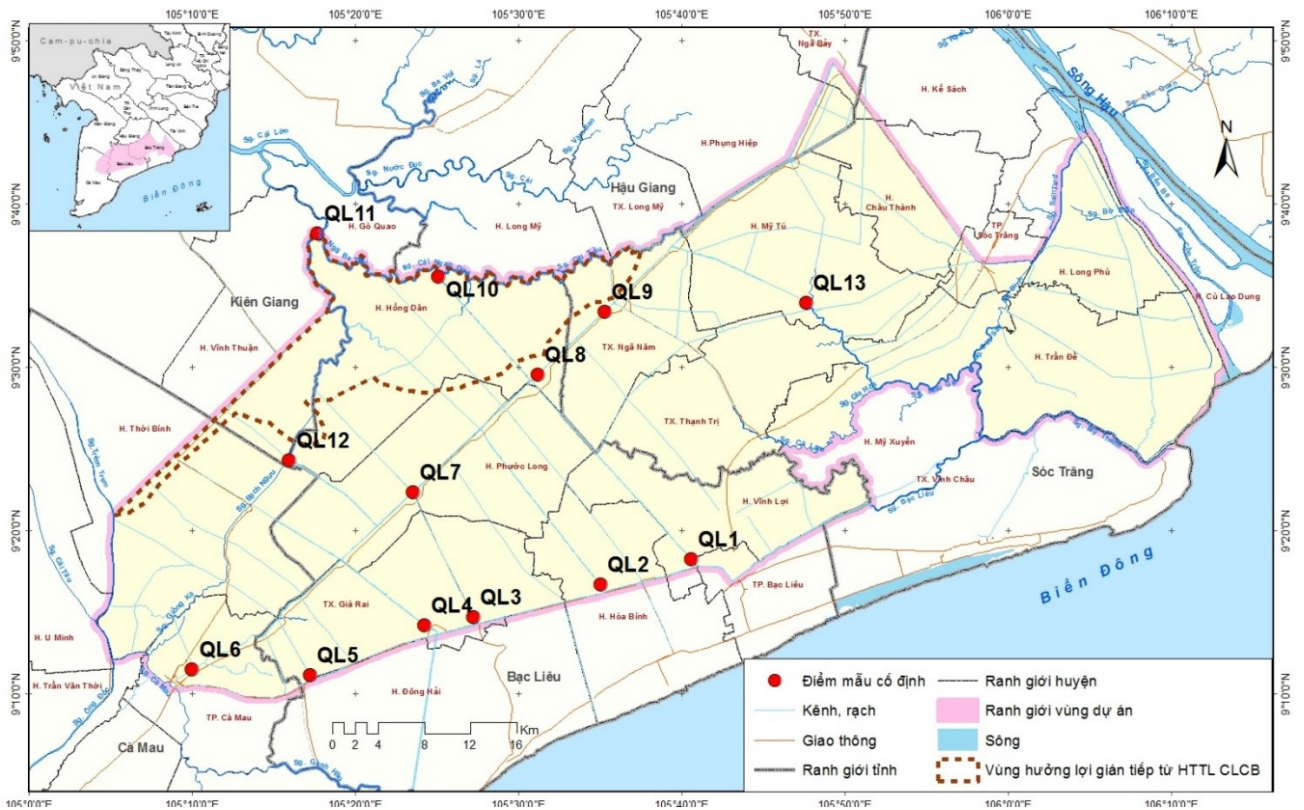
**BẢN TIN TUẦN KỲ 07**

**“Đợt đo ngày 09/04/2024, dự báo từ 16/04/2024 đến 22/04/2024”**

**I. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 09/04/2024**

**1. Vị trí lấy mẫu**

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chệch đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Bảng 1: Kết quả đo đặc chất lượng nước tại 13 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD <sub>5</sub>	COD	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	NO <sub>2</sub> <sup>-</sup>	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	Fe <sup>TS</sup>	Coliform	WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO <sub>2</sub> /l			mg/l					MPN/ 100ml		
TT	QCVN 08- MT:2015/BTNM T Cột B1 (*)	5,5-9		50	≥4	15	30	0,3	0,9	0,05	10	1,5	7.500	WQI	Khuyến cáo
	QCVN08- MT:2023/BTNM T (Bảng 2, mức B) (*)	6-8,5		≤100	≥5	≤6	≤15						≤5.000		
1	Trong cống Cầu Sập trên kênh Quản Lộ – Bạc Liêu (QL1)	7,49	1,2	78,4	4,02	7,50	15,2	0,09	0,06	0,05	0,01	1,21	8400	67	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt, không dùng nước tưới cho rau màu vì Coliform cao vượt ngưỡng.
2	Trong cống Vĩnh Mỹ trên kênh Phước Long – Vĩnh Mỹ (QL2)	7,81	0,8	16,31	5,38	8,50	16,7	0,03	0,55	0,07	0,01	1,87	6900	64	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy

																nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt cần xử lý sắt tổng trước khi cho nước vào ruộng và không dùng nước tưới cho rau màu, do Fe và Coliform cao vượt ngưỡng.
3	Trong cống Phó Sinh trên kênh Quản Lộ - Giá Rai (QL3)	7,03	21,3	48,93	<b>3,22</b>	<b>11,40</b>	<b>20,4</b>	0,02	0,50	<b>0,22</b>	0,14	<b>1,79</b>	<b>5400</b>	<b>66</b>	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cần xử lý ô nhiễm hữu cơ, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , Fe và Coliform trước khi đưa nước vào ao nuôi.	
4	Trong cống Chủ Chí trên kênh Hộ Phòng (QL4)	6,81	26	<b>154,25</b>	<b>4,15</b>	<b>9,70</b>	<b>18,9</b>	0,06	0,28	<b>0,19</b>	0,11	<b>7,24</b>	<b>7200</b>	<b>65</b>	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tuy	

																	nhiên, cần xử lý ô nhiễm hữu cơ, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> , Fe và Coliform trước khi đưa nước vào ao nuôi.
5	Trong công Láng Trâm trên kênh xáng Láng Trâm (QL5)	6,99	25,9	98,1	<b>4,41</b>	<b>8,10</b>	<b>16,7</b>	0,09	0,43	<b>0,06</b>	0,08	<b>3,48</b>	4900	71	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước ô nhiễm hữu cơ, NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> và Fe trước khi đưa vào ao nuôi.		
6	Trong công Cà Mau tại cuối kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL6)	7,11	25,7	8,79	5,52	<b>20,40</b>	<b>36,5</b>	0,18	<b>1,94</b>	<b>0,19</b>	0,43	1,25	<b>21000</b>	31	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform		

																cao vượt ngưỡng.
7	Điểm giao giữa Quản Lộ-Phụng Hiệp với kênh Cạnh Đền-Phổ Sinh và kênh Quản Lộ-Giá Rai (QL7)	6,98	25,3	9,5	<b>4,29</b>	<b>18,40</b>	<b>32,1</b>	<b>0,42</b>	<b>1,14</b>	<b>0,13</b>	0,15	<b>1,64</b>	<b>9500</b>	40	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, không đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform cao vượt ngưỡng.	
8	Trong âu thuyền Ninh Quới trên kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL8)	6,64	9	6,77	<b>4,96</b>	<b>8,10</b>	<b>16,4</b>	0,05	<b>0,91</b>	<b>0,15</b>	0,35	0,87	<b>7900</b>	58	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu cây trồng. Cần xử lý sắt tổng trước khi đưa vào ruộng lúa.	
9	Điểm lấy mẫu ở vị trí Công Đá trên kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp (QL9)	7	0,3	19,42	5,37	<b>17,30</b>	<b>35,2</b>	0,06	<b>1,39</b>	<b>0,10</b>	0,17	<b>2,12</b>	<b>17000</b>	32	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu cây	

																trông. Tuy nhiên, cần xử lý sắt tổng trước khi đưa nước vào ruộng lúa.
10	Điểm giao trên kênh xáng Ngan Dừa với rạch Xẻo Chít (QL10)	7,11	5,5	10,6	5,01	<b>9,50</b>	<b>18,7</b>	0,04	0,56	<b>0,09</b>	0,10	1,11	<b>5200</b>	<b>69</b>	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Cần lưu ý xử lý nitrit trước khi đưa vào ao nuôi.	
11	Điểm lấy mẫu ở vị trí Ngã Ba Đình trên sông Cái Lớn (QL11)	6,97	9,8	6,59	5,76	<b>12,70</b>	<b>20,4</b>	0,06	0,15	<b>0,29</b>	0,25	1,09	4700	<b>76</b>	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cần chú ý xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi do chỉ số ô nhiễm hữu cơ cao	
12	Điểm giao kênh Phong Thạnh Tây với sông Bạch	6,89	24	5,22	<b>4,64</b>	<b>16,40</b>	<b>29,4</b>	0,09	<b>1,09</b>	<b>0,09</b>	0,12	0,84	<b>9200</b>	<b>48</b>	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây kém, đảm bảo cho	

	Nguru (QL12)																việc lấy nước phục vụ tưới tiêu cây trồng. Ngoài ra, cần xử lý nước trước khi đưa vào ao nuôi vì chỉ số hữu cơ, dinh dưỡng và Coliform cao vượt ngưỡng.
13	Trong cống Mỹ Phước trên kênh xáng Mỹ Phước (QL13)	7,7	0,2	14,37	5,35	<b>12,30</b>	<b>25,7</b>	0,06	0,34	<b>0,06</b>	0,09	<b>1,93</b>	3300	<b>75</b>			Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, đảm bảo cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu cây trồng. Tuy nhiên cần xử lý sắt tổng trước khi đưa nước vào ruộng lúa.
<b>Khuyến cáo chung:</b>		<p>- Nhìn chung, độ mặn trong tiểu vùng ngọt hóa và chuyển đổi được kiểm soát tốt. Tuy nhiên, cần chú ý độ mặn sau âu thuyền Ninh Quới khá cao, vượt ranh giới hạn 4 ‰ gấp 2,3 lần, không đảm bảo cho việc lấy nước cho trồng trọt.</p> <p>- Đoạn cuối kênh QLPH cụ thể từ đoạn ngã tư Phó Sinh về phía cống Cà Mau có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ và dinh dưỡng cao, không phù hợp lấy nước sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, khu vực phía bắc huyện Hồng Dân cũng có bị ô nhiễm nitrit khá cao, cần xử lý nước tại khu vực này trước khi đưa vào ao nuôi.</p> <p>- Tại một số vị trí trong tiểu vùng ngọt hóa có nguồn nước bị nhiễm phen (<math>Fe^{TS}</math>) khá cao sẽ không tốt trong giai đoạn phát triển của lúa non. Tuy nhiên, trong giai đoạn này người dân trong vùng QLPH đang vào vụ lúa thu hoạch. Nên nguồn nước không ảnh hưởng đến sản xuất lúa của người dân.</p>															

*Ghi chú: (\*) Theo QCVN 08-MT:2023/BTNMT được quy định tại mục 2.3 – Nguyên tắc đánh giá, phân loại CLN theo Bảng 2 thì giá trị trung bình số học của tối thiểu 10 lần quan trắc/năm. Với điều kiện này thì chưa đủ để đánh giá phân loại, do đó trong bản tin này sẽ sử dụng QCVN 08-MT:2015/BTNMT cột B1 để so sánh và có đối chiếu với QCVN 08:2023/BTNMT để làm cơ sở nhận định đưa ra những khuyến cáo về chất lượng nước..*

*Các giá trị in đậm là các giá trị vượt ngưỡng cho phép QCVN 08-MT:2023/BTNMT, QCVN 08-MT:2015/BTNMT*

**Ghi chú:** Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng





QL10		5,54	5,54	5,57	5,61	5,61	5,63	5,69	5,54	5,69
QL11		5,98	5,97	5,97	5,96	6,01	6,21	6,25	5,96	6,25
QL12		5,16	5,17	5,18	5,19	5,20	5,21	5,21	5,16	5,21
<b>QCVN 08:2015 (Cột A1)</b>		<b>&gt;=6</b>								
<b>QCVN 08:2015 (Cột B1)</b>		<b>&gt;=4</b>								
<b>Vượt cột B1</b>		<b>&lt;4</b>								

Hàm lượng DO dự báo dao động trong tuần từ 3,92÷6,25 mg/l. Hầu hết các vị trí đều có hàm lượng DO đạt QCVN08 MT:2015/BTNMT cột B1 đảm bảo nhu cầu cấp nước canh tác nông nghiệp. Trong tiểu vùng chuyển đổi, hàm lượng oxy hòa tan tại hầu hết các vị trí đều trong ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT, đảm bảo cấp nước cho nuôi trồng thủy sản. Riêng tại cống Giá Rai có 1 thời điểm thấp dưới ngưỡng cột B1, cần chú ý xử lý trước khi lấy nước cho nuôi trồng thủy sản.

### 1.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD<sub>5</sub>)

Hàm lượng BOD<sub>5</sub> dự báo trong tuần dao động từ 8,04÷20,93 mg/l. Hầu hết các vị trí có hàm lượng BOD<sub>5</sub> dự báo đạt ngưỡng cột B1 theo QCVN08 MT:2015/BTNMT, đảm bảo phục vụ cấp nước cho canh tác nông nghiệp. Ngoại trừ tại cống Cà Mau (QL6), ngã tư Phó Sinh và ngã Ba Đình nguồn nước có hàm lượng BOD<sub>5</sub> dự báo trong tuần cao vượt ngưỡng cột B1, cần chú ý xử lý nguồn nước trước khi đưa vào ao nuôi.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD<sub>5</sub> tại các điểm giám sát từ 16/04÷22/04/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	8,10	9,33	9,03	9,36	10,02	10,65	11,27	8,10	11,27
QL2		8,70	8,73	8,79	8,88	8,95	8,97	8,97	8,70	8,97
QL8		8,30	8,30	8,04	9,01	10,59	10,14	12,51	8,04	12,51
QL9		12,09	12,05	12,05	12,05	12,02	12,05	12,10	12,02	12,10
QL13		10,01	10,32	10,62	10,81	10,81	10,68	10,44	10,01	10,81
QL3	Chuyển đổi	12,76	12,18	11,79	11,82	12,19	12,68	13,18	11,79	13,18
QL4		10,95	10,99	11,06	11,14	11,21	11,27	11,30	10,95	11,30
QL5		8,92	8,89	8,84	8,88	8,95	9,00	9,11	8,84	9,11
QL6		20,93	20,74	20,49	20,31	20,09	19,17	18,28	18,28	20,93
QL7		15,15	15,13	15,08	16,02	16,94	14,22	13,33	13,33	16,94
QL10		8,87	8,84	8,84	8,86	8,85	8,93	9,06	8,84	9,06
QL11		15,07	15,70	15,87	15,78	15,43	14,94	14,45	14,45	15,87
QL12		12,78	13,06	13,32	13,13	13,13	13,25	13,19	12,78	13,32
<b>QCVN 08:2015 Cột A1</b>		<b>4</b>								
<b>QCVN 08:2015 Cột B1</b>		<b>15</b>								
<b>Vượt cột B1</b>		<b>&gt;15</b>								

### 1.4. Amoni (NH<sub>4</sub><sup>+</sup>)

Giá trị NH<sub>4</sub><sup>+</sup> dự báo trong tuần dao động từ 0,28÷1,53 mg/l. Trong tiểu vùng ngọt hóa, hàm lượng amoni vượt cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT tại hầu hết các vị trí, tuy nhiên vẫn có thể dùng nước cho tưới tiêu trồng trọt. Đối với chuyển đổi, hàm lượng amoni nằm trong ngưỡng cột A1 đến cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT

tại hầu hết các vị trí, đảm nhu cầu cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5: Giá trị dự báo  $NH_4^+$  tại các điểm giám sát từ 16/04÷22/04/2024

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		16/04	17/04	18/04	19/04	20/04	21/04	22/04	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,68	0,68	0,69	0,69	0,68	0,67	0,67	0,67	0,69
QL2		1,53	1,45	1,30	1,19	1,13	1,10	1,10	1,10	1,53
QL8		1,24	1,27	1,31	1,35	1,37	1,34	1,27	1,24	1,37
QL9		1,10	1,17	1,23	1,24	1,18	1,21	1,26	1,10	1,26
QL13		0,37	0,37	0,37	0,37	0,36	0,36	0,36	0,36	0,37
QL3	Chuyển đổi	0,67	0,60	0,55	0,52	0,51	0,51	0,52	0,51	0,67
QL4		0,58	0,58	0,57	0,57	0,57	0,58	0,62	0,57	0,62
QL5		0,60	0,60	0,60	0,61	0,64	0,67	0,70	0,60	0,70
QL6		0,80	0,77	0,71	0,66	0,63	0,62	0,62	0,62	0,80
QL7		0,62	0,58	0,56	0,55	0,56	0,57	0,58	0,55	0,62
QL10		0,81	0,80	0,78	0,77	0,78	0,79	0,79	0,77	0,81
QL11		0,28	0,28	0,28	0,28	0,28	0,29	0,30	0,28	0,30
QL12		0,76	0,80	0,82	0,86	0,86	0,83	0,83	0,76	0,86
<b>QCVN 08:2015 Cột A1</b>		0,3								
<b>QCVN 08:2015 Cột B1</b>		0,9								
<b>Vượt cột B1</b>		> 0,9								

**Khuyến cáo:** Trong thời gian dự báo tại ngã giao rạch xẻo chít và kênh Ngan Dừa (QL10) độ mặn dự báo thấp dưới 5‰ không đáp ứng cho việc lấy nước nuôi trồng thủy sản. Hàm lượng BOD<sub>5</sub> dự báo tại cống Cà Mau (QL6), ngã tư Phó Sinh và ngã Ba Đình cao vượt ngưỡng cột B1 theo QCVN08-MT:2015/BTNMT vào hầu hết ngày trong tuần, cần xử lý nguồn nước trước khi đưa vào ao nuôi. Hàm lượng amoni dự báo trong tiểu vùng chuyển đổi đảm bảo cho nuôi trồng thủy sản.

#### Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&PTNT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biên (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB

VIỆN KỸ THUẬT BIÊN  
VIỆN TRƯỞNG  
VIỆN KỸ THUẬT BIÊN  
PHẠM VĂN TÙNG